TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DMC** **TỈNH TN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **66**/2018/HNGĐ-ST
Ngày 09-11-2018
V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con, chia tài sản,
nợ chung khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DMC, TỈNH TN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Nhiêu Phong.

Bà Đào Thị Lan.

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Mai - Thư ký Tòa án nhân dân Huyện DMC, tỉnh TN.

Đại diện Viện kiểm sát Huyện DMC, tỉnh TN tham gia phiên tòa: Ông Phan Thanh Nhã - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện DMC, tỉnh TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2018 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản, nợ chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lý Thị Tố N**, sinh năm 1985; nơi cư trú: Tổ 13, ấp NA, xã BN, Huyện DMC, tỉnh TN.

Bị đơn: Anh **Huỳnh Thanh P**, sinh năm 1982; nơi cư trú: Tổ 13, ấp NA, xã BN, Huyện DMC, tỉnh TN.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank Việt Nam)– Chi nhánh Huyện DMC, tỉnh TN.

Người đại diện theo ủy quyền chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Huyện DMC: Ông **Lê Quốc D** - chức vụ: Giám đốc chi nhánh làm đại diện

theo quyết định ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19-06-2014; Địa chỉ: Số 381 đường Nguyễn Chí Thanh, khu phố 1, thị trấn Dương Minh Châu, Huyện DMC, tỉnh TN.

Người đại diện theo ủy quyền của ông **Lê Quốc D**: Ông **Trần Minh S**, sinh năm 1961; nơi cư trú: Khu phố 1, thị trấn DMC, Huyện DMC, tỉnh TN theo giấy ủy quyền số 184/NHNo-TH ngày 27-7-2018.

Chị N, anh P, ông S có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 02 năm 2018 và bổ sung trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lý Thị Tố N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh P tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LTB, huyện HT, tỉnh TN theo số 77, quyển 01/2007 ngày 27 tháng 6 năm 2007. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau về kinh tế, tình cảm. Chị N và anh P không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau.

Về con chung: Có 02 con chung tên Huỳnh Phương V, sinh ngày 14-4-2008; Huỳnh Phương T, sinh ngày 08-10-2014. Chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con, chị yêu cầu anh P cấp dưỡng theo luật.

Về tài sản chung:

Đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm diện tích 167,7 m^2, trên đất có nhà cấp 4 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do chị và anh P đứng tên. Nguồn gốc đất là do mẹ chị N chuyển nhượng của người khác và tặng cho vợ chồng đứng tên. Chị yêu cầu được hưởng 70% giá trị đất, anh P hưởng 30% giá trị đất, về phần căn nhà chia mỗi người 50% giá trị, chị yêu cầu được nhận nhà và đất, trả lại tiền chênh lệch, trả nợ ngân hàng.

Ngoài ra, xe gắn máy, cây cóc, cây mai, các cây trồng khác, các vật dụng sinh hoạt hàng ngày trong gia đình chị N không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Huyện DMC số tiền 80.000.000 đồng. Khi vay có thế chấp Quyền sử dụng đất 167,7 m^2, đã trả được 28.000.000 đồng. Chị yêu cầu chia đôi số nợ chung, cụ thể mỗi người trả 26.000.000 đồng và lãi theo hợp đồng tín dụng.

Chị N đã nộp tiền tạm ứng để đo đạc và định giá số tiền 9.500.000 đồng, chị yêu cầu anh P có nghĩa vụ thanh toán lại cho chị 50% số tiền chi phí đo đạc, thẩm định giá.

Bị đơn anh Huỳnh Thanh P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tại biên bản lấy lời khai cũng như biên bản hòa giải, anh P thừa nhận về thời gian sống chung, thời gian đăng ký kết hôn. Do chị N đi làm giờ giấc không rõ ràng, hay đi chơi khuya, anh có gặng hỏi nhưng chị N không trả lời vì vậy không còn tin tưởng nhau về tình cảm. Anh không đồng ý ly hôn, anh xin đoàn tụ vì còn thương vợ, con. Tại phiên tòa, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung như lời trình bày của chị N. Anh xin nuôi con tên V, đồng ý giao con tên T cho chị N trực tiếp nuôi, anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa, anh đồng ý giao 02 con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/02 cháu/tháng.

Về tài sản chung: Có nhà và đất như chị N trình bày. Nguồn gốc đất là do mẹ vợ tặng cho nhưng hai vợ chồng ký hợp đồng trực tiếp với người chuyển nhượng, nhà do hai vợ chồng tự xây dựng. Nếu Tòa án cho ly hôn anh P yêu cầu chia đôi tài sản, anh xin nhận nhà và đất, trả lại tiền chênh lêch và trả nợ ngân hàng.

Ngoài ra, xe gắn máy, cây cóc, cây mai và các cây trồng khác, các vật dụng sinh hoạt hàng ngày trong gia đình anh không yêu cầu chia.

Về nợ chung: Anh P thừa nhận có nợ Ngân hàng như lời trình bày của chị N. Anh đồng ý trả 50% số nợ 26.000.000 đồng và lãi theo hợp đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ông Trần Minh S trình bày: Ngày 16 tháng 11 năm 2016, chị N, anh P đến Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Huyện DMC, tỉnh TN vay số tiền 80.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng. Khi vay có thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất do chị N và anh P đứng tên. Thời hạn trả nợ cuối cùng 16 tháng 11 năm 2019. Đã trả 28.000.000 đồng gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng. Hiện còn nợ gốc 52.000.000 đồng và lãi. Nếu Tòa án cho ly hôn, Ngân hàng yêu cầu chị N anh P trả số nợ còn lại và lãi theo hợp đồng tín dụng.

Chứng thư thẩm định giá của Công ty trách nhiệm hữu hạn thẩm định giá MHD số: 0651N2018/CT-MHD ngày 24-9-2018 định giá tài sản như sau:

Diện tích đất đo đạc thực thực tế 167,7 m^2 và nhà xây trên đất tọa lạc tại tổ 13, ấp NA, xã BN, Huyện DMC, tỉnh TN số tiền 255.250.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện DMC, tỉnh TN phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Quá trình thụ lý, giải quyết cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định; không vi phạm về tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, công nhận thuận tình ly hôn của chị N, anh P. Ghi nhận sự tự nguyện của chị N, anh P về con chung, cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giao tài sản cho đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, nghe đương sự trình bày và hỏi tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lý Thị Tố N có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Thanh P. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật trong vụ án là " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn".

Anh Huỳnh Thanh P là người bị kiện có nơi cư trú tại tổ 13, ấp NA, xã BN, Huyện DMC, tỉnh TN. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân Huyện DMC, tỉnh TN.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh P tự nguyện chung sống với nhau năm 2007, có tổ chức lễ cưới, ngày 27-6-2007 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LTB, huyện HT, tỉnh TN theo số: 77, quyển số 01/2007 nên công nhận đây là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa, anh P đồng ý ly hôn với chị N nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về con chung: Chị N trình bày có 02 con chung tên Huỳnh Phương V, sinh ngày 14-4-2008; Huỳnh Phương T, sinh ngày 08-10-2014. Xét nguyện vọng của cháu V cũng như cháu T cần có mẹ bên cạnh trực tiếp chăm sóc phù hợp với giới tính và lứa tuổi của các cháu. Tại phiên tòa, anh P tự nguyện cấp dưỡng mỗi tháng 1.500.000 đồng/2 cháu/tháng cho đến khi cháu V, cháu T thành niên tự lao động và sinh sống được, Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung:

Nguồn gốc tài sản chung yêu cầu chia: Anh, chị thống nhất là được mẹ vợ tặng cho trong thời kỳ hôn nhân gồm: Quyền sử dụng đất diện tích đo đạc thực tế 167,7 m^2 và trên đất có căn nhà cấp 4 do hai vợ chồng xây dựng. Chứng thư thẩm định giá của

Công ty trách nhiệm hữu hạn thẩm định giá MHD số: 0651N2018/CT-MHD ngày 24-9-2018 định giá tài sản như sau: Diện tích đất 167,7 m^2 và nhà tọa lạc tại tổ 13, ấp NA, xã BN, Huyện DMC, tỉnh TN trị giá tài sản 255.250.000 đồng.

Về nợ chung: Nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam-Chi nhánh Huyện DMC, tỉnh TN số tiền nợ gốc 52.000.000 đồng và lãi theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử 5.812.700 đồng. Khi vay tiền của Ngân hàng anh, chị có thế chấp tài sản cho Ngân hàng nên khi chia tài sản cần phải đảm bảo nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng thế chấp tài sản.

Chị N tạm ứng chi phí đo đạc thẩm định là 9.500.000 đồng. Tổng cộng là 67.312.700 đồng. Sau khi khấu trừ các khoản, tài sản còn lại 187.937.300 đồng. Chị N, anh P mỗi người được hưởng một nửa tài sản trị giá 93.968.650 đồng.

Chị N; anh P đều có yêu cầu nhận tài sản, trả lại tiền chênh lệch và trả nợ cho Ngân hàng. Xét thấy chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 con cần chỗ ở để ổn định cuộc sống cho các cháu nên giao tài sản là quyền sỡ hữu nhà và quyền sử dụng đất cho chị N là có căn cứ theo quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình

Ngoài ra, trên đất có các cây trồng khác như cây cóc, cây tràm nhỏ, cây mai, các vật dụng trong gia đình… các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết; Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng; anh P phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng.

Chị N; anh P phải chịu án phí sơ thẩm chia tài sản chung 4.698.432 đồng; án phí nợ chung 1.445.317 đồng;

Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Huyện DMC, tỉnh TN không phải chịu án phí nên hoàn trả tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 27; 33; 56; khoản 2 Điều 59; Điều 60; Điều 62; Điều 81; 82; 83; 107; 108; 116; 117 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 342; 352; 355; 357; 471 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 91; 95 Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban

Thường vụ Quốc Hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lý Thị Tố N đối với anh Huỳnh Thanh P. Chị N và anh P không còn quyền và nghĩa vụ vợ chồng.

2. Về con chung: Chị Lý Thị Tố N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Huỳnh Phương V, sinh ngày 14-4-2008; Huỳnh Phương T, sinh ngày 08-10-2014. Ghi nhận anh Huỳnh Thanh P tự nguyện cấp dưỡng mỗi tháng 1.500.000 đồng/ 2 cháu/tháng cho đến khi cháu V, cháu T thành niên tự lao động và sinh sống được. Thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày 09-11-2018.

Anh Huỳnh Thanh P có quyền và nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở anh Huỳnh Thanh P thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung:

Chị Lý Thị Tố N được sở hữu, quản lý, sử dụng diện tích đất 167,7 m^2 (trong đó có diện tích 16,7 m^2 trong ranh HT nhưng ngoài GCN), thửa đất số 1456 tờ bản đồ số 5 tương ứng một phần thửa số 175, tờ bản đồ số 38 – BĐĐC đo đạc năm 2010 tọa lạc tại ấp NA, xã BN, Huyện DMC, tỉnh TN, trên đất có 01 căn nhà xây không tô năm 2012 diện tích 80 m^2, tổng trị giá 255.250.000 (Hai trăm năm mươi lăm triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng. Đất có tứ cận như sau:

- Đông giáp đất ông Phan Văn Sang thửa 539 (159; 176) dài 30 m.

- Tây giáp đất bà Phạm Thị Bường thửa 1455 (MPT 175) dài 30 m.

- Nam giáp đường đất dài 5m.

- Bắc giáp đất ông Lê Hồng Luận thửa 534 (158) dài 5,18 m.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sỡ hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH01972 Ủy ban nhân dân Huyện DMC, tỉnh TN cấp cho Chị Lý Thị Tố N và anh Huỳnh Thanh P ngày 17-4-2012.

Chị Lý Thị Tố N có nghĩa vụ thanh toán lại cho anh Huỳnh Thanh P số tiền 93.968.650 (Chín mươi ba triệu chín trăm sáu mươi tám nghìn sáu trăm năm mươi) đồng tiền chênh lệch tài sản chung. Chị N; anh P có nghĩa vụ đến cơ quan chức năng thực hiện các thủ tục sang tên, chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4. Về nợ chung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Huyện DMC, tỉnh TN đối với chị Lý Thị Tố N và anh Huỳnh Thanh P.

Buộc Chị Lý Thị Tố N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Huyện DMC, tỉnh TN số tiền nợ gốc 52.000.000 đồng, lãi tính đến ngày xét xử 5.812.700 đồng, tổng cộng 57.812.700 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng.

Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Huyện DMC hoàn trả 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp cho Chị N gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01972 Ủy ban nhân dân Huyện DMC, tỉnh TN cấp cho chị Lý Thị Tố N và anh Huỳnh Thanh P ngày 17-4-2012.

Trường hợp chị N không trả được nợ, đại diện Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh Huyện DMC có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên bán tài sản là phần đất ở và nhà ở xây trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01972 Ủy ban nhân dân Huyện DMC, tỉnh TN cấp cho chị Lý Thị Tố N và anh Huỳnh Thanh P ngày 17-4-2012 do chị Lý Thị Tố N, anh Huỳnh Thanh P đã thế chấp cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam để trả nợ cho Ngân hàng tiền gốc và tiền lãi.

5. Về chi phí đo đạc, thẩm định giá: Chị N, anh P phải chịu 9.500.000 đồng, ghi nhận anh chị đã nộp xong.

6. Về án phí: Chị Lý Thị Tố N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí Chị N đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010216 ngày 27-02-2018 tại Chi cục Thi hành án Dân sự Huyện DMC, tỉnh TN. Ghi nhận chị N đã nộp xong.

Chị Lý Thị Tố N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 6.143.749 (Sáu triệu một trăm bốn mươi ba nghìn bảy trăm bốn mươi chín) đồng. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp 2.125.000 đồng theo biên lai thu số 0010217 ngày 27-02-2018 tại Chi cục Thi hành án Dân sự Huyện DMC, tỉnh TN. Chị Lý Thị Tố N còn phải nộp 4.018.749 (Bốn triệu không trăm mười tám nghìn bảy trăm bốn mươi chín) đồng.

Anh Huỳnh Thanh P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 6.143.749 (Sáu triệu một trăm bốn mươi ba nghìn bảy trăm bốn mươi chín) đồng và 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng.

Chi cục thi hành án dân sự Huyện DMC, tỉnh TN hoàn trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Huyện DMC, tỉnh TN 1.403.000 (Một triệu bốn trăm lẻ ba nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010863 ngày 06 tháng 8 năm 2018.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người bị thi hành án chưa thi hành số tiền trên, thì hàng tháng người bị thi hành án còn phải trả

cho người được thi hành án số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Chị Lý Thị Tố N phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc kể từ sau ngày xét xử 09-11-2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này, theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số: 5702LAV201607252 ký ngày 16-11-2016.

"Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự".

Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh TN trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Trọng Nghĩa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND Huyện DMC;
- Chi cục THADS Huyện DMC;
- UBND xã LTB;
- Đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ (N).